TÒA ÁN NH DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:25/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15- 4 - 2024
V/v tranh chấp Hôn nH và gia đình

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nH dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Cơ Ba.**
2. Ông **Đinh Minh Phương**.

- ***L ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là L ký Tòa án nH dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nH dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 530/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023, về tranh chấp *"*Hôn nH và gia đình*"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Ngọc H** - sinh ngày: 28/08/1980 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức T** - sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc H có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 09/10/2023 chị Huỳnh Thị Ngọc H trình bày:

- Về hôn nH: Chị và anh Nguyễn Đức T do mai mối rồi tiến tới hôn nH có tổ chức lễ cưới vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm. Sau ngày cưới vợ chồng chị sống riêng tự lập. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 12 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T có người phụ nữ khác bên ngoài, rồi tự ý bỏ đi, anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, chị và anh T đã không còn sống chung với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nH không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Anh L, sinh ngày 11/02/2007 và Nguyễn Thị Anh G, sinh ngày 22/12/2013. Hiện nay cháu L và

cháu G đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L và cháu G. Đối với cháu L chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu G mỗi tháng là 900.000đ cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án. Xét việc vắng mặt của anh T không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nH dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hôn nH và gia đình giữa chị H và bị đơn anh T, anh T có nơi cư trú tại ấp Thanh Bình, xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn chị H có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị H. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh T vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T cũng không đến Tòa án nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nH: Chị H và anh T do mai mối rồi tiến tới hôn nH có tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm vào ngày 21/4/2006 nên quan hệ hôn nH giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nH hợp pháp.

Trong quá trình chung sống theo chị H trình bày thì thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 12 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nH mâu thuẫn là do anh T có người phụ nữ khác bên ngoài, rồi tự ý bỏ đi, anh T không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị H và anh T không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nH giữa chị H và anh T

đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nH không đạt được. Chị H yêu cầu ly hôn với anh T, anh T vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nH và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Anh L, sinh ngày 11/02/2007 và Nguyễn Thị Anh G, sinh ngày 22/12/2013. Hiện nay cháu L và cháu G đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L và cháu G. Đối với cháu L chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu G mỗi tháng là 900.000đ cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Tại bảng khai ý kiến cùng ngày 22/12/2023 của cháu L và cháu G thì nguyện vọng của cháu L và cháu G muốn sống với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị H và anh T không còn chung sống với nhau cho đến nay thì cháu L và cháu G sống chung với chị H, anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H nên giao cháu L và cháu G cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu L nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu G mỗi tháng là 900.000đ cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi, anh T vắng mặt không có ý kiến. Xét yêu cầu của chị H về việc yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu G mỗi tháng là 900.000đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu G mỗi tháng là 900.000đ cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nH và gia đình sơ thẩm: Buộc chị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nH và gia đình sơ thẩm. Buộc anh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nH và gia đình; điểm a, khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Lòng vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Ngọc H.

Về hôn nH: Cho chị Huỳnh Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Anh L, sinh ngày 11/02/2007 và cháu Nguyễn Thị Anh G, sinh ngày 22/12/2013 cho chị Huỳnh Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Nguyễn Đức T có

nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thị Anh G mỗi tháng là 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Thị Anh G đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ ngày 15 tháng 4 năm 2024. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Đức T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Huỳnh Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Đức T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nH và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nH và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Huỳnh Thị Ngọc H đã nộp theo biên lai thu số N^{0}0008471, ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Huỳnh Thị Ngọc H đã nộp đủ. Buộc anh Nguyễn Đức T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh